

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Tất.

Ông Nguyễn Long Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1985; cư trú tại: tổ 17, ấp 4, xã V, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Đình M, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: xóm 17, xã A, huyện C, tỉnh Nghệ An; tạm trú: tổ 17, ấp 4, xã V, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 9 năm 2020, bản tự khai ngày 28 tháng 10 năm 2020; Biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 11 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị T và anh M là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An vào ngày 22 tháng 5 năm 2007 (quyển số 327) hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị T và anh M sống hạnh

phúc đến 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do không hợp nhau, cãi vã, hai vợ chồng bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung; anh M đã nhiều lần đánh chị T. Hiện nay, chị T và anh M đã ly thân từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Chị T đã chuyển về nhà chị gái tại khu phố Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương để sinh sống. Nay, chị T không còn tình cảm với anh M nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về nuôi con chung: chị T và anh M có 02 con chung tên Phan Thị Phương Thảo, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2010 và Phan Thị Phương Trang, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2017. Hiện nay, con chung đang ở cùng với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: chị T không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại phiên tòa anh Phan Đình M trình bày:

Về hôn nhân: anh M và chị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An vào ngày 22 tháng 5 năm 2007, hôn nhân tự nguyện không bị ai ép buộc.

Trong quá trình chung sống giữa anh M và chị T có xảy ra cãi vã những chuyện nhỏ trong gia đình về vấn đề kinh tế và nợ của anh và chị T. Ngoài những mâu thuẫn trên thì giữa anh M và chị T không xảy ra bất kỳ mâu thuẫn nào khác. Anh M vẫn đang còn tình cảm với chị T muốn hàn gắn. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T kiên quyết ly hôn thì anh M đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: anh M và chị T có 02 con chung Phan Thị Phương Thảo, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2010 và Phan Thị Phương Trang, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2017. Anh M yêu cầu được nuôi cháu Trang, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh M đồng ý giao cháu Thảo cho chị T nuôi, anh M không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: anh M không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa theo quy định tại Điều 259 của Bộ luật tố tụng dân sự để thu thập tài liệu chứng cứ để chứng minh thu nhập của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Đoàn Thị T khởi kiện anh Phan Đình M về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh Phan

Đình M có nơi cư trú tại tổ 17, ấp 4, xã V, huyện B, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: hôn nhân của chị T và anh M là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ; chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình. Chị T và anh M đã ly thân từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, chị T và anh M là vợ chồng nhưng không sống chung với nhau không còn yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, quyết định cho chị T và anh M ly hôn.

[3] Về nuôi con chung: chị T và anh M có hai con chung tên Phan Thị Phương Thảo, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2010 và Phan Thị Phương Trang, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2017. Hiện nay, chị T yêu cầu được nuôi hai con chung không cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Anh M yêu cầu được nuôi cháu Trang; chị T nuôi cháu Thảo. Anh M và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của các đương sự:

[3.2.1] Tại bảng sao kê tại khoản ngày 19 tháng 4 năm 2021, chị T cung cấp cho thấy công việc, thu nhập hàng tháng của chị T đều ổn định. Con chung hiện nay đang sinh sống cùng với chị T. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Thảo mong muốn được sinh sống cùng chị T, còn cháu Trang hiện nay đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Tại phiên tòa, anh M thừa nhận công việc chính của anh M là môi giới bất động sản, thu nhập hàng tháng của anh bấp bênh, không ổn định. Xét về quyền lợi về mọi mặt; điều kiện cần thiết để trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Thảo và cháu Trang cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận không buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, anh M có trách nhiệm giao cháu Phan Thị Phương Thảo, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2010 và Phan Thị Phương Trang, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh M không tranh chấp về chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa yêu cầu tạm ngưng phiên tòa để thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập của anh M theo quy

định tại Điều 247 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh M để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và nhưng anh M không đến cũng không cho Tòa án biết lý do anh M vắng mặt. Tại phiên tòa, anh M đã trình bày thu nhập của anh M không ổn định do công việc chính của anh là môi giới bất động sản. Anh M hiện đang ở nhà trọ còn chị T chứng minh được có thu nhập ổn định. Mặt khác, cháu Phan Thị Phương Trang, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2017, là cháu gái đang trong độ tuổi mầm non cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị tạm ngưng phiên tòa để thu thập chứng cứ chứng minh thu nhập của anh M là không cần thiết. Từ những cơ sở đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tạm ngưng phiên tòa của Kiểm sát viên.

[5] Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị T

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị T và anh Phan Đình M.

Về nuôi con chung:

Anh Phan Đình M có trách nhiệm giao con chung tên Phan Thị Phương Thảo, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2010 và Phan Thị Phương Trang, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2017 cho chị Đoàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Đình M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh M lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh M

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản chung và nợ chung: chị Đoàn Thị T và anh Phan Đình M không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0039083 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

